| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Y**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc L - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **13**/2024/HSST
Ngày 29/3/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

***T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Duy Viễn, bà Đào Thị Mai Hương

***Thư ký phiên tòa****:* Ông Lương C Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Hồng Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HS, ngày 18/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn T T;** S ngày 16/6/1988 tại tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: Tổ 14, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố Nguyễn Văn Q, S năm 1963; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, S năm 1959; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị T, S năm 1988, con: Có 02 người con, con lớn S năm 2013; con nhỏ S năm 2020; Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt N, S hoạt tại Chi bộ tổ dân phố 14, Đảng bộ phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang đã bị Đình chỉ S hoạt đảng theo Quyết định số 87-QĐ/UBKT ngày 26/6/2023 của Ủy ban kiểm tra T ủy Tuyên Quang.

* Tiền án, tiền sự: Không;

* Nhân thân: Ngày 9/10/2023 bị Công an Phường Đ, T phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự công cộng ở khu dân cư *(Bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính sau khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên; đã nộp phạt xong)*.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*.

2. Họ và tên: **Phạm Hồng H, S** ngày 30/01/1985 tại tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: Tổ 14, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Phạm Hồng T, S năm 1959; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, S năm 1963; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Bích L, S năm 1988, con: Có 02 người con, con lớn S năm 2014, con nhỏ S năm 2021; Anh, chị em ruột: Không có.

* Tiền án, tiền sự: Không;

* Nhân thân:

- Ngày 14/12/2013, bị Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác *(đã nộp phạt xong);*

- Ngày 13/01/2014, bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc *(Đã chấp hành xong quyết định)* ;

- Ngày 9/10/2023 bị Công an Phường Đ, T phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự công cộng ở khu dân cư *(Bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính sau khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên; đã nộp phạt xong)*.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt).*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Giang N, S năm 1980. Địa chỉ: Tổ 23, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Cao Đức C, S năm 1986. Địa chỉ: Tổ 17, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Vũ Duy H, S năm 1981. Địa chỉ: Tổ 18, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Vũ Duy L, S năm 1979. Địa chỉ: Thôn Núi Cẩy, xã H Khai, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Nông Văn T, S năm 1975. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Nguyễn Văn H, S năm 1984. Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Phạm Hồng S, S năm 1985. Địa chỉ: Tổ 20, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Ngụy T H, S năm 1980. Địa chỉ: Tổ 10, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Chị Lê Thị Thúy S, S năm 1971. Địa chỉ: Thôn Tân Bình, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Bùi Văn T, S năm 1974. Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Lê T T, S năm 1988. Địa chỉ: Xóm 1, nhà máy Z129, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Chị Nguyễn Thị T, S năm 1988. Địa chỉ: Tổ 14, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Nguyễn Thị C, S năm…. Địa chỉ: thôn Liên Bình, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

- Ông Nguyễn Ngọc V, S năm 1988, trú tại tổ 102, khu Phố 4, phường 15, quận T, T phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Hữu T, S năm 1986, trú tại tổ 01, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang

*(anh Vũ Duy H, bà C, ông V, ông T vắng mặt không có lý do, những người liên quan khác đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Tháng 6/2018, bị cáo Nguyễn T T thuê nhà của ông Trần Hùng S, địa chỉ tại thôn Phú Bình, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ: T lấy tên bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ của T) đứng tên giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Năm 2021, T thuê bị cáo Phạm Hồng H quản lý cửa hàng cầm đồ với mức lương là 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài việc kinh doanh cầm đồ, đến đầu năm 2022 T và H còn thực hiện cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi nhuận, T và H thống nhất mỗi khi có người vay tiền thì T và H sẽ yêu cầu người vay điền thông tin vào tờ mẫu có tiêu đề "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" do T đã in sẵn để tại cửa hàng do T và H giữ (người vay không phải cầm cố, thế chấp tài sản gì); việc thỏa thuận tính lãi suất tùy theo từng người vay và tùy theo số tiền cho vay *(Chỉ thỏa thuận bằng miệng, không ghi mức lãi suất vào giấy biên nhận vay nợ)*. H là người đứng ra viết giấy tờ vay tiền, ghi chép, quản lý giấy tờ, sổ sách, theo dõi hoạt động cho vay tiền; Các giao dịch vay, trả bằng hình thức giao nhận tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản qua các tài khoản ngân hàng Vietinbank số 105872106202 mang tên của T; số tài khoản ngân hàng BIDV và ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Thị T (vợ T); số tài khoản ngân hàng BIDV 1880337539 mang tên Nguyễn Ngọc V, S năm 1988 (là bạn của T) và tài khoản ngân hàng Viettinbank 0969886887 của Nguyễn Hữu T (anh vợ T). Quá trình điều tra xác định được từ năm 2022 đến tháng 10/2023, Nguyễn T T và Phạm Hồng H đã cho 11 cá nhân vay lãi nặng trong các giao dịch dân sự, gồm:

**1. Cho anh Trần Giang N vay tiền 02 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 19/02/2022, T cho anh Nam vay số tiền là 10.000.000 đồng, thoả thuận mức lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,14 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự; không xác định thời hạn vay)*. Tính từ ngày 19/02/2022 đến ngày 19/5/2022 là 03 tháng N không trả được tiền nợ gốc và đã trả lãi cho T số tiền là 4.600.000 đồng *(chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, N tự chuyển thừa số tiền 100.000 đồng)*; Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 499.800 đồng, trong khi đó các bị cáo đã thu lãi của N là 4.600.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 4.100.200đ. Do

không có tiền trả lãi tiếp nên N xin T không trả lãi nữa và hẹn đến ngày 15/6/2023 sẽ trả tiền gốc, T đồng ý.

- Lần 2: Ngày 15/6/2022, do chưa có tiền trả tiền nợ gốc lần 1 cho T nên N đến cửa hàng cầm đồ gặp T hỏi vay thêm 5.000.000 đồng, T và N thống nhất cộng khoản nợ cũ 10.000.000 đồng với khoản vay mới 5.000.000đ T khoản vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tính lãi từ ngày 15/6/2022 *(tương ứng mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự; không xác định hời hạn vay)*. Sau khi thống nhất, T đưa cho N 5.000.000 đồng tiền mặt. Tính từ ngày 15/6/2022 đến 15/8/2023 là 14 tháng, N không trả được tiền nợ gốc và đã trả lãi cho T số tiền 19.950.000 đồng *(chuyển qua tài khoản ngân hàng cho T số tiền 14.350.000 đồng, trả tiền mặt là 5.600.000 đồng);* Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 3.498.600 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của N số tiền 19.950.000 đồng *(Số lãi theo thỏa thuận N còn nợ lại là 5.250.000 đồng)*; Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 16.451.400đ.

Ngày 15/8/2023, N xin T không tính lãi đối với khoản vay nợ trên nữa và hứa hẹn đến 15/9/2023 sẽ trả đủ tiền gốc và số lãi còn nợ cho T, T đồng ý. Đến ngày 24/9/2023 sau nhiều lần đòi nợ nhưng N không trả tiền nên T và H đến nhà N đòi tiền và giữa T và N xảy ra xô sát, đánh nhau. Ngày 28/9/2023 T đến gặp xin lỗi N, giữa T và N thống nhất thỏa thuận: T chuyển toàn bộ số tiền gốc N đã vay còn đang nợ của T 15.000.000 đồng và số tiền lãi N còn nợ lại 5.250.000 đồng để tính vào tiền bồi thường dân sự đối với thương tích của N do T gây ra, N đồng ý và không gửi đơn kiện T *(Đã thu được nợ gốc)*

Trong 02 giao dịch vay nợ trên theo thoả thuận thì tổng số tiền lãi Trần Giang N sẽ phải trả cho T là 29.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi các bị cáo đã thu được xác định là 29.800.000 đồng, gồm 24.550.000đ + 5.250.000đ được tính vào tiền bồi thường dân sự cho hành vi cố ý gây thương tích của T; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 3.998.700 đồng; trong khi đó bị cáo đã thu được của Nam số tiền 29.800.000 đồng. Như vậy trong 02 giao dịch dân sự trên các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 25.801.300đ *(29.800.000 đồng - 3.998.700 đồng)*

**2. Cho Cao Đức C vay tiền 03 lần, cụ thể:**

Lần 1: Ngày 01/8/2022, T cho C vay số tiền 5.000.000 đồng, mức lãi suất thoả thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất là 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định của BLDS*). Sau khi nhận tiền của T, C đã trả lãi cho T tháng đầu tiên là 600.000 đồng.

Lần 2: Ngày 06/8/2022, C đến gặp T vay thêm số tiền 5.000.000 đồng. T và C thống nhất cộng số tiền 5.000.000đ của khoản vay Lần 1 chưa trả với số tiền vay lần này 5.000.000đ T một khoản vay mới là 10.000.000đ và tính lãi từ ngày 06/8/2022 với mức lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(12%/tháng), (Tâm không lấy tiền lãi của khoản vay 5.000.000 đồng từ ngày 01/8/2022 đến 06/8/2022)*. Tính từ ngày 06/8/2022 đến ngày 06/9/2023 là 13 tháng, C không trả tiền gốc và đã trả lãi cho T số tiền 15.500.000 *đồng (trong đó có số tiền 600.000 đồng tiền lãi đã trả lần vay 1);* số tiền lãi C còn nợ lại là 100.000 đồng. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 2.165.800 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 13.334.200đ.

Lần 3: Ngày 18/10/2022, Cao Đức C hỏi vay T số tiền 10.000.000 đồng, T đồng ý, với lãi suất thoả thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(12%/tháng; khi vay tiền C để lại giấy đăng ký xe mô tô để bảo đảm)*, T bảo C đến hiệu cầm đồ gặp H làm thủ tục vay. C đến hiệu cầm đồ, H hướng dẫn C viết "GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE" và để lại đăng ký xe mô tô BKS 22B2 - 671.95 của C cho anh H giữ để làm tin, rồi H lấy tiền ở cửa hàng của T đưa cho Chung. Tính từ ngày 18/10/2022 đến 18/8/2023 là 10 tháng C không trả tiền nợ gốc và đã trả lãi cho T số tiền 12.000.000 đồng *(chuyển khoản 7.200.000đ, trả tiền mặt 4.800.000đ)*. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.666.000 đồng, trong khi đó các bị cáo đã thu lãi của C số tiền 12.000.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 10.334.200đ.

Tính đến ngày 07/10/2023 *(trước khi bị cơ quan điều thụ lý vụ án)* theo thỏa thuận C còn nợ 100.000đ tiền lãi của khoản vay lần 2; 01 tháng tiền lãi của khoản vay lần 2 số tiền 1.200.000 đồng; 1.960.000 đồng tiền lãi của khoản vay lần 3 (tổng số tiền là 3.260.000đ) và số tiền gốc của 02 lần vay là 20.000.000đ *(tổng 23.260.000 đồng)*. Như vậy, trong 03 giao dịch vay nợ trên tính theo thoả thuận thì tổng số tiền lãi Cao Đức C phải trả cho T là 30.760.000 đồng, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 4.165.000 đồng; trong khi đó bị cáo đã thu của C số tiền 27.500.000 đồng, do đó số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính là 23.335.000đ.

**3. Cho anh Vũ Duy H vay tiền 04 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Khoảng đầu tháng 9/2022 *(không nhớ ngày cụ thể)*,Vũ Duy H đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín vay của T số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định). T* hướng dẫn H điền thông tin vào "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" để T giữ, sau đó đưa cho H 10.000.000 đồng tiền mặt. Tính từ lúc vay đến tháng 02/2023 là 05 tháng H không trả nợ gốc và đã trả đủ cho T số tiền lãi là 4.500.000 đồng *(trả ngay 4.260.000 đồng và 240.000 đồng lãi T đã trừ luôn khi H vay tiền tháng 11/2022)*. Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 883.000 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của H số tiền 4.500.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 3.667.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 18/11/2022, H gọi điện thoại hỏi vay T 5.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(9%/tháng)*. Do khoản vay lần 1 H còn nợ lại T 240.000 đồng tiền lãi nên khi chuyển tiền cho Hưng, T đã trừ luôn số tiền này: T sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV của mình chuyển số tiền 4.760.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng MBBank 5200107441007 của Hưng; Đến ngày 23/11/2022 H tiếp tục gọi điện cho T hỏi vay thêm 2.000.000 đồng với lãi suất như trên, T đã chuyển khoản cho H số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản của Hưng; Ngày 29/11/2022, H gọi điện vay thêm của T số tiền 3.000.000 đồng, T đồng ý và sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank của mình chuyển số tiền 3.000.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng MBBank 5200107441007 của Hưng, T và H thống nhất cộng các khoản vay ngày 18/11/2022, ngày 23/11/2022 và khoản vay ngày 29/11/2022 lại với nhau T một khoản vay là 10.000.000 đồng *(5.000.000đ + 2.000.000đ + 3.000.000đ)*, với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, với mức lãi suất trên mỗi tháng H phải trả cho T tiền lãi là 900.000 đồng, tính lãi từ ngày 29/11/2022 đến ngày 28/02/2023 là 03 tháng H chưa trả nợ gốc và đã trả đủ cho T 2.700.000 đồng

tiền lãi. Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 499.800 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.200.200đ;

- Lần 3: Ngày 05/01/2023, H gọi điện thoại cho T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng, T đồng ý và thống nhất lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày: T sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank của mình chuyển số tiền 3.000.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng của Hưng. Tính đến ngày 05/02/2023 là 01 tháng H không trả tiền gốc và đã trả đủ lãi cho T số tiền 450.000 đồng. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 83.300 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 366.700đ;

- Lần 4: Khoảng đầu tháng 2/2023, H tiếp tục vay của T 2.000.000 đồng tiền mặt với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đầu tháng 3/2023 H xin T không tiếp tục tính lãi đối với 04 khoản vay trên mà để H trả dần tiền gốc, T đồng ý và yêu cầu H phải thanh toán nốt số tiền lãi của tháng 3/2023, H đồng ý. T cộng 04 khoản tiền H nợ gốc trên là 27.000.000đ, tính lãi suất 9% của 01 tháng là 2.430.000 đồng, T và H thống nhất làm tròn T 3.000.000 đồng, sau đó T cộng số tiền 3.000.000 đồng lãi trên vào tổng tiền gốc là 27.000.000 đồng T khoản nợ H phải trả là 30.000.000 đồng; ngày 10/5/2023, H sử dụng số tài khoản ngân hàng MBBank số 5200107441007 của mình chuyển khoản đến số tài khoản ngân hàng Vietinbank 105872106202 của T trả nợ cho T số tiền 10.000.000 đồng; đến tháng 8/2023 H đến nhà trả cho T bằng tiền mặt số tiền 20.000.000 đồng và lấy các giấy vay tiền hủy đi. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 449.800 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của H số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.550.200đ;

Như vậy, trong 04 lần giao dịch trên: T đã thu của H tổng số tiền lãi là 10.650.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của BLDS là 1.899.200 đồng; Số tiền thu lợi bất chính được xác định là 8.750.700 đồng,

**4. Cho anh Vũ Duy L vay tiền 05 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 30/5/2022, anh L đến cửa hàng cầm đồ vay T 8.000.000 đồng, mức lãi suất thoả thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự*). Tính đến ngày 30/8/2022 là 03 tháng L đã trả đủ cho T 8.000.0000 đồng tiền gốc và trả đủ 3.000.000 đồng tiền lãi *(chuyển khoản từ tài khoản của L đến tài khoản ngân hàng Vietinbank của T và của Nguyễn Thị T)*; ngày 11/01/2023 L đã chuyển khoản trả lãi 600.000 đồng. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 400.000 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của H số tiền 3.600.000 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 3.200.000đ;

- Lần 2: Ngày 27/12/2022, L đến cửa hàng cầm đồ vay của T số tiền 5.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định)*. Tính đến ngày 27/01/2023 là 01 tháng L trả cho T số tiền nợ gốc 4.700.000 đồng *(trả tiền mặt)* và sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển đủ số tiền lãi 600.000 đồng đến tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Ngọc V do T sử dụng, L nợ lại 300.000 đồng tiền nợ gốc; đến ngày 31/3/2023 L chuyển khoản trả nốt T 300.000 đồng tiền nợ gốc. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 83.300 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 516.700đ;

- Lần 3: Ngày 14/02/2023, L đến cửa hàng cầm đồ vay T số tiền 4.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, L viết "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" rồi đưa cho T giữ sau đó T đưa cho L 4.000.000 đồng tiền mặt.

- Lần 4: Ngày 24/02/2023, L vay của T số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 28/02/2023, vay 4.000.000 đồng; T và L thống nhất cộng các khoản vay của lần 3, lần 4 ngày 24/2/2023 với lần vay ngày 28/2/2023 T một khoản vay có tổng số tiền gốc là 10.000.000 đồng, với thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày và tính lãi từ ngày 28/02/2023 *(Tâm không thu tiền lãi của L từ ngày 14/02/2023 đến 27/02/2023)*. Tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày 28/8/2023 là 06 tháng, L đã trả đủ cho T tiền lãi là 7.200.000 đồng *(chuyển khoản đến số tài khoản ngân hàng BIDV Nguyễn Ngọc V do T sử dụng là 6.000.000 đồng và trả 1.200.000 đồng tiền mặt).* Sau đó, L xin và T đồng ý không tính lãi đối với số tiền nợ trên nữa và T yêu cầu L trả dần tiền gốc, đến nay L chưa trả cho T số tiền gốc 10.000.000 đồng. Trong giao dịch này, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 999.600 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của L số tiền 7.200.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 6.200.400đ;

Tổng số tiền lãi T đã thu được của L trong các giao dịch trên là 11.400.000, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.482.700 đồng, do đó các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 9.917.300đ;

**5. Cho anh Nông Văn T vay tiền 03 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 12/02/2023, T đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín gặp H vay của cửa hàng 3.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; H hướng dẫn T điền thông tin vào "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" để H giữ, H đưa T 3.000.000 đồng. Tính từ ngày 12/02/2023 đến ngày 12/3/2023, là 01 tháng T chưa trả tiền gốc và đã trả lãi cho H đủ số tiền 360.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 20/3/2023, T đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín gặp H vay của cửa hàng số tiền 2.000.000 đồng: khi vay tiền T viết "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT". Do T vẫn còn nợ cửa hàng số tiền 3.000.000 đồng vay ngày 12/02/2023 nên H và T thống nhất gộp C 02 khoản vay T 01 khoản với số tiền là 5.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(mỗi tháng T phải trả H 600.000 đồng tiền lãi)* thời gian tính lãi từ ngày 20/3/2023 *(tiền lãi từ ngày 13/3/2023 đến 19/3/2023 H không thu):* Tính từ 20/3/2023 đến 20/7/2023 là 04 tháng T chưa trả được nợ gốc và đã trả đủ lãi cho H số tiền 2.400.000 đồng *(trả tiền mặt)*.

- Lần 3: Ngày 27/7/2023, T tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín gặp H vay số tiền 3.000.000 đồng, H và T thống nhất cộng gộp C số tiền vay lần này với số tiền 5.000.000đ T còn đang nợ của cửa hàng T một khoản vay mới là 8.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*mỗi tháng T phải trả 960.000 đồng tiền lãi)*, thời gian tính lãi từ ngày 27/7/2023 *(thời gian từ ngày 21/7/2023 đến ngày 26/7/2023 H không thu lãi của Tiến):* Tính từ ngày 27/7/2023 đến 27/9/2023 là 02 tháng T chưa trả nợ gốc và đã trả đủ cho H 1.920.000 đồng tiền lãi *(trả tiền mặt)*.

Theo thoả thuận trên tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày 07/10/2023 *(trước khi cơ quan điều tra thụ lý vụ án)* là 10 ngày T sẽ còn phải trả cho T và H số tiền lãi là 320.000 đồng, nhưng do chưa đến ngày nên T chưa trả. Trong quá trình điều tra vụ án thì T đã

đến trả H số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng.

Như vậy trong các giao dịch vay tiền trên: các bị cáo đã thu của T tổng số tiền lãi là 4.680.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 694.000 đồng, do đó các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 3.986.000đ;

**6. Cho anh Nguyễn Văn H vay tiền 01 lần, cụ thể:**

- Ngày 13/3/2023, H đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín vay của T số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự*). Tính từ ngày 13/03/2023 đến 13/9/2023 là 06 tháng, H chưa trả nợ gốc và đã trả đủ cho T 5.400.000 đồng tiền lãi (trả tiền mặt).

- Tính toán theo thoả thì từ ngày 14/9/2023 đến ngày 07/10/2023 *(trước khi cơ quan điều tra thụ lý vụ án)* là 27 ngày thì H sẽ còn phải trả cho T 720.000 đồng tiền lãi, nhưng do chưa đến ngày nên H chưa trả. Trong quá trình điều tra, H đã trả T số tiền vay nợ gốc 10.000.000 đồng. Như vậy trong giao dịch vay nợ trên các bị cáo đã thu của H số tiền lãi là 5.400.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.133.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 4.267.000đ.

**7. Cho Phạm Hồng S vay tiền 02 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 24/12/2022, S đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín vay của T số tiền 15.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(1.800.000 đồng tiền lãi/01 tháng)*, khi vay nợ S viết "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" rồi đưa cho T giữ. Tính từ ngày vay 24/12/2022 đến đến ngày 24/3/2023 là 03 tháng, S chưa trả cho T tiền nợ gốc và đã trả đủ tiền lãi là 5.400.000 đồng *(Sơn sử dụng số tài khoản Vietinbank 103005288110 chuyển 3.600.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng Vietinbank của T và 1.200.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Ngọc V do T sử dụng, còn 600.000 đồng anh S trả tiền mặt cho T).* Ngày 24/3/2023, do không có tiền để trả nợ gốc nên S và T thỏa thuận không tính lãi phát S của số tiền vay trên và đến cuối tháng 5/2023 S phải trả đủ cho T tiền nợ gốc 15.000.000 đồng. Trong giao dịch vay tiền này số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 750.000 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 4.650.000đ;

- Lần 2: Ngày 29/5/2023, S đến cửa hàng cầm đồ Nhất Tín vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T và S thỏa thuận cộng khoản tiền vay nợ gốc 15.000.000 đồng S còn nợ của cửa hàng với khoản vay mới 5.000.000 đồng T một khoản vay có tổng số tiền là 20.0000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(2.400.000 đồng tiền lãi/01 tháng)*, thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 29/5/2023. Sau khi nhận 5.000.000 đồng tiền mặt, S đưa lại cho T 2.400.000 đồng để trả tiền lãi của tháng đầu tiên; các tháng sau đó, S sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển trả tiền lãi vào tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Ngọc V do T sử dụng. Tính đến ngày 29/9/2023 là 04 tháng S chưa trả nợ gốc và đã trả cho T tổng số tiền lãi là 9.000.000 đồng *(Còn nợ lãi 600.000đ).*

Trong giao dịch này theo thỏa thuận thì thời gian từ ngày 30/9/2023 đến 07/10/2023 *(trước khi cơ quan điều tra thụ lý vụ án)* là 08 ngày S sẽ còn phải trả cho T số tiền lãi là 640.000 đồng, do chưa đến hạn nên S chưa trả và số tiền tính theo thỏa thuận thì bị cáo sẽ thu của S tổng số tiền lãi là 15.640.000 đồng; tổng số tiền lãi được phép thu

là 2.171.000 đồng. Tuy nhiên thực tế tổng số tiền lãi là các bị cáo đã thu của S là 14.400.000đ, nên số tiền thu lợi bất chính được xác định là 12.228.600đ. Đối với số tiền nợ gốc ngày 07/02/2024, S đã trả đủ cho T 20.000.000 đồng.

**8. Cho Ngụy T H vay tiền 02 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 13/6/2023, H đến nhà T và vay của T số tiền 5.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định),* khi vay tiền H viết "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" theo mẫu H đưa cho, H tính và thu luôn lãi của tháng đầu tiên là 600.000 đồng và đưa cho H số tiền 4.400.000 đồng. Ngày 13/7/2023 và 13/8/2023, H chuyển tiền lãi mỗi lần là 600.000 đồng *(1.200.000đ)* đến số tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Ngọc V do T sử dụng; đến ngày 13/9/2023 H chuyển khoản trả cho T 02 tháng tiền lãi là 1.200.000 đồng (trả lãi đến ngày 13/11/2023); chưa trả nợ tiền gốc. Như vậy trong giao dịch vay tiền trên các bị cáo đã thu của H 05 tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 416.500 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.583.500đ;

- Lần 2: Ngày 20/9/2023, H đến hiệu cầm đồ Nhất Tín gặp H và vay của cửa hàng số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau khi H viết giấy vay tiền theo mẫu H đưa, H tính và thu luôn lãi của tháng đầu tiên là 600.000 đồng và đưa cho H số tiền 4.400.000 đồng.

Như vậy trong 02 giao dịch trên: các bị cáo đã thu đủ của H tổng số tiền lãi là 3.600.000 đồng trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 499.800 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.100.200 đồng. Đối với số tiền nợ gốc ngày 05/02/2024, H đã trả đủ cho T 10.000.000 đồng.

**9. Cho Lê Thị Thúy S vay tiền 02 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 06/7/2023, S đến hiệu cầm đồ Nhất Tín gặp H và vay của cửa hàng số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất theo quy định)*, Khi vay tiền *S* viết giấy vay tiền theo hướng dẫn của H, rồi đưa H giữ, sau đó H lấy tiền ở cửa hàng của T đưa cho chị S 20.000.000 đồng tiền mặt. Tính từ ngày vay đến ngày 06/9/2023 là 02 tháng, S chưa trả nợ gốc và đã trả đủ tiền lãi cho H là 3.600.000 đồng *(trả tiền mặt).*

- Lần 2: Ngày 26/9/2023, S tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ vay của T số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. T với S thỏa thuận cộng khoản tiền nợ gốc 20.000.000 đồng S còn nợ của cửa hàng với khoản vay mới 7.000.000 đồng T một khoản vay có tổng số tiền là 27.0000.000 đồng và bắt đầu tính lãi từ ngày 26/9/2023 *(số tiền lãi của khoản vay 20.000.000đ phát S từ ngày 07/9/2023 đến ngày 25/9/2023 T không thu của chị S)*. Sau đó, T đưa cho S 7.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi vay tiền được 03 ngày thì S gọi điện xin T không tính lãi đối với khoản vay trên do S phải dùng tiền mua thuốc chữa bệnh và hẹn đến cuối tháng 10/2023 S sẽ trả số tiền gốc cho T, T đồng ý. Đến khoảng cuối tháng 10/2023, S đã đến cửa hàng cầm đồ trả T số tiền gốc 27.000.000 đồng. Như vậy trong 02 giao dịch vay nợ trên các bị cáo đã thu của S số tiền lãi là 3.600.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.116.200 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.483.800đ.

**10. Cho Bùi Văn T vay tiền 01 lần, cụ thể:**

Ngày 30/8/2023, T đến hiệu cầm đồ vay của T số tiền 20.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định)*. Sau khi T viết giấy vay tiền đưa cho T giữ, T sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV của mình chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Vietinbank 102627071974 của T. Tính từ ngày vay tiền đến ngày 02/10/2023, là 01 tháng T chưa trả tiền nợ gốc và đã chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng BIDV đứng tên Nguyễn Ngọc V trả cho T số tiền lãi là 1.600.000 đồng; số tiền lãi T còn nợ lại 800.000 đồng;

Theo thoả thuận thì trong thời gian từ ngày 01/10/2023 đến 07/10/2023 (trước khi cơ quan điều tra thụ lý vụ án) là 07 ngày T sẽ còn phải trả cho T số tiền lãi là 560.000 đồng, do chưa đến hạn nên T chưa trả; tính toán theo thỏa thuận thì bị cáo sẽ thu của T tổng số tiền lãi là 2.960.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi được phép thu là 411.000 đồng do đó số tiền bị cáo sẽ thu lợi bất chính được xác định là 2.549.000 đồng. Tuy nhiên thực tế bị cáo mới chỉ thu được tiền lãi 1.600.000đ nên số tiền thu lợi bất chính được xác định là 1.189.000 đồng; Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng, sau khi biết T bị khởi tố T đã đến nhà trả T số tiền trên.

**11. Cho Lê T T vay tiền 01 lần, cụ thể:**

Ngày 06/9/2022, T gọi điện hỏi vay T 10.000.000 đồng, T đồng ý và bảo T đến hiệu cầm đồ gặp H làm thủ tục vay tiền. T gọi điện cho H bảo tính lãi suất với T là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. T đến cửa hàng cầm đồ gặp H và viết "GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN MẶT" theo mẫu rồi đưa cho H giữ, H và T thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương đương với mức lãi suất 150%/năm, gấp 7,5 lần mức lãi suất theo quy định);* Sau đó, H gọi điện báo cho T về việc đã làm xong thủ tục vay tiền, T tính toán và sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV của vợ T mang tên Nguyễn Thị T chuyển vào tài khoản ngân hàng Techcombank 19034882493019 của T số tiền 8.500.000 đồng, T đã trừ luôn 1.500.000 đồng tiền lãi của tháng đầu.

Hàng tháng khi có lương T đều chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng BIDV của T và tài khoản ngân hàng BIDV đứng tên Nguyễn Ngọc V do T sử dụng để trả tiền lãi cho T: tổng số tiền lãi T đã trả T 08 tháng là 12.000.000 đồng (từ 6/9/2022 đến 6/5/2023); Ngày 06/5/2023 T đến cửa hàng cầm đồ trả T 10.000.000 đồng tiền gốc. Trong giao dịch trên tổng số tiền lãi T đã thu của T là 12.000.000 đồng *(T chuyển khoản 10.500.000 đồng, T thu tại cửa hàng tháng đầu cắt lại tiền gốc 1.500.000 đồng)*; trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.332.800 đồng, như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 10.667.200đ;

Ngoài cho những người trên vay tiền với lãi suất cao như trên, kết quả điều tra còn xác định: Nguyễn T T và Phạm Hồng H còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên trong các giao dịch trên chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật dân sự, do đó không đủ cấu T tội phạm nên không xem xét xử lý.

Tại Kết luận giám định số 1458/KL-KTHS ngày 20/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, xác định: Chữ viết, chữ số phần nội dung và chữ ký ghi tên Phạm Hồng H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Phạm Hồng H trên mẫu so sánh ký hiệu M1; ký, chữ viết

ghi tên Phạm Hồng H dưới mục "NGƯỜI GIAO" trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người viết và ký.

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 04/3/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đã ban hành cáo trạng số 15/CT- VKSYS truy tố Nguyễn T T và Phạm Hồng H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T T và Phạm Hồng H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T T từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn gian thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2024). Phạt tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Căn cứ khoản 2, Điều 201; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hồng H từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2024).

Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Đ, T phố T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho anh Cao Đức C 01 đăng ký mô tô biển kiểm soát 22B2- 671.95 mang tên Cao Đức C.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX:

Do trước khi mở phiên tòa, các bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả lại toàn bộ số tiền gốc cho bị cáo Nguyễn T T (việc trả lại giữa các bên được L T văn bản). Vì vậy đề nghị HĐXX truy thu của bị cáo T số tiền gốc sử dụng cho vay là 190.000.000 đồng và số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 18.979.300 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Tổng cộng hai khoản tiền truy thu là 208.979.300 đồng. Bị cáo Phạm Hồng H làm thuê cho bị cáo T, không trực tiếp quản lý số tiền cho vay nên không phải truy thu. Đối với số tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 105.650.700đ đã trả lại cho người liên quan nên không xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên toà, các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất, xin cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: đều vắng mặt tại phiên toà, quá trình điều tra đều trình bày đúng với nội dung vụ án, đều đã trả lại số tiền gốc đã vay của các bị cáo và đã nhận lại số tiền các bị cáo thu lời bất chính; không đề nghị gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn T T và Phạm Hồng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bản sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng  thời gian từ tháng tháng 2/2022 đến cuối tháng 10/2023, trên địa bàn thôn Phú Bình, xã Đ, huyện Y và địa bàn tại tổ 14, phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang, thông qua hoạt động cầm đồ của tiệm cầm đồ với tên "Nhất Tín" *(Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 15E80004513, tên hộ kinh doanh là Nguyễn Thị C trú tại thôn Liên Bình, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang):* Trong khi thực hiện các giao dịch dân sự cho vay tiền, các bị cáo Nguyễn T T và Phạm Hồng H đã thực hiện hành vi cho 11 người gồm: Trần Giang N; Cao Đức C; Vũ Duy H; Vũ Duy L; Nông Văn T; Nguyễn Văn H; Phạm Hồng S; Ngụy T H; Lê Thị Thúy S; Bùi Văn T và Lê T T vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000đ/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp từ 5,48 lần đến 9,14 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm), cụ thể như sau:

1. Ngày 19/02/2022 và ngày 15/6/2022 cho Trần Giang N vay 02 lần tổng số tiền gốc 15.000.000 đồng, với lãi suất là 4.000đ đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất gấp 7,3 đến 9,14 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự)*. Tính từ lúc vay đến đến 15/8/2023 các bị cáo đã thu của Nam tổng số tiền lãi là 29.800.000đ *(Thu 24.550.000 đồng + 520.000đ tính trừ vào tiền bồi thường)*, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 3.998.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 25.801.600đ.

2. Ngày 01/8/2022; ngày 06/8/2022 và ngày 18/10/2022, cho Cao Đức C vay 03 lần tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất thoả thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất là 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định của BLDS*).  Tính từ lúc cho vay đến ngày 07/10/2023 các bị cáo đã thu của C tổng số tiền lãi là 27.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 4.165.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 23.335.000đ;

3. Từ đầu tháng 9/2022 đến đầu tháng 2/2023,cho Vũ Duy H vay 04 lần tổng số tiền là 27.000.000đ, với lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng*

*mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định)*. Tính từ lúc vay đến tháng 02/2023 các bị cáo đã thu lãi của H tổng số 10.650.000đ, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.899.200đ, như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 8.750.800 đồng;

4. Trong thời gian ngày 30/5/2022; ngày 27/12/2022; ngày 14/02/2023; ngày 24/02/2023 và ngày 28/02/2023, cho Vũ Duy L vay 05 lần tổng số tiền gốc là 23.000.000 đồng, với lãi suất từ 4.000đ đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự).* Tính từ lúc vay tiền đến ngày 28/8/2023, các bị cáo đã thu của L tổng số tiền lãi là 11.400.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.482.700 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 9.917.300đ;

5. Trong các ngày 12/02/2023; ngày 20/3/2023 và ngày 27/7/2023, cho Nông Văn T vay 03 lần tổng số tiền 8.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tính từ ngày 12/02/2023 đến 27/9/2023, các bị cáo đã thu của T tổng số tiền lãi là 4.680.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 694.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 3.986.000đ. Trong quá trình điều tra vụ án T đã đến trả H số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng.

6. Ngày 13/3/2023, cho Nguyễn Văn H vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng mức lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự*). Tính từ ngày 13/03/2023 đến 13/9/2023 là 06 tháng, các bị cáo đã thu của H số tiền lãi là 5.400.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.133.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 4.267.000đ. Trong quá trình điều tra, H đã trả T số tiền vay nợ gốc 10.000.000 đồng.

7. Trong thời gian: ngày 24/12/2022 và ngày 29/5/2023 cho Phạm Hồng S vay 02 lần tổng số tiền là 20.0000.000 đồng, với mức lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 29/9/2023 các bị cáo đã thu của S tổng số tiền lãi là 14.400.000đ. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 2.171.000 đồng, do đó số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính được xác định là 12.228.600đ. Đối với số tiền nợ gốc ngày 07/02/2024 S đã trả đủ cho T 20.000.000 đồng;

8. Trong thời gian ngày 13/6/2023 và ngày 20/9/2023 cho Ngụy T H vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định).* Sau khi cho H vay tiền các bị cáo đã thu của H tổng 3.600.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 499.800 đồng, do đó số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính được xác định là 3.100.200 đồng. Đối với số tiền nợ gốc ngày 05/02/2024 H đã trả cho T 10.000.000đ

9. Ngày 06/7/2023 và Ngày 26/9/2023 cho Lê Thị Thúy S vay 02 lần

tổng số tiền 27.000.000 đồng với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất theo quy định)*. Sau khi vay tiền các bị cáo đã thu của S số tiền lãi là 3.600.000 đồng, đến cuối tháng 10/2023,

S đã đến cửa hàng cầm đồ trả T số tiền nợ gốc 27.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.116.200 đồng. Như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.483.800đ.

10. Ngày 30/8/2023, cho Bùi Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày *(tương ứng với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định)*. Tính từ ngày vay tiền đến ngày 02/10/2023, các bị cáo đã thu của T số tiền lãi là 1.600.000 đồng, trong khi đó số tiền lãi được phép thu là 410.000 đồng, do đó số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính được xác định là 1.189.000 đồng; Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng, sau khi biết T bị khởi tố T đã đến nhà trả T số tiền trên.

11. Ngày 06/9/2022, cho Lê T T T vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày*(tương đương với mức lãi suất 150%/năm, gấp 7,5 lần mức lãi suất theo quy định);* Quá trình cho vay tiền các bị cáo đã thu của T tổng số tiền lãi là 12.000.000 đồng; Ngày 06/5/2023 T đến cửa hàng cầm đồ trả T 10.000.000 đồng tiền gốc. Trong giao dịch trên số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.333.000 đồng, như vậy các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 10.667.000đ;

Như vậy: hành vi của các bị cáo cho 11 người vay lãi nặng trong các giao dịch dân sự trên được xác định như sau: Tổng số tiền gốc các bị cáo đã cho vay lãi nặng là 190.000.000đ: trong đó, số tiền đã thu hồi là 160.000.000đ; số người vay còn đang nợ lại là 30.000.000đ

- Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận (sẽ thu) được xác định là: 130.860.000 đồng; Số tiền sẽ thu lợi bất chính là 111.957.000 đồng.

- Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu được là 124.630.000 đồng.

- Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 18.979.300 đồng, do đó số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính được xác định là 105.650.700 đồng;

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn T T và Phạm Hồng H đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên S truy tố đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Các bị cáo có nhận thức, đã biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX nhận định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T khẩn khai báo, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã chủ động trả lại số tiền thu

lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bùi Văn T, Nông Văn T, Cao Đức C, Vũ Duy L, Nguyễn Văn H, Lê Thị Thuý S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Cả hai bị cáo đều được chính quyền địa phương đề nghị cho cải tạo tại địa phương; bị cáo H có ông nội là Liệt sĩ, được tăng Huân chương kháng chiến Hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng cho cả hai bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 BLHS.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án và hướng xử lý:

Trong vụ án này bị cáo T đóng vai trò chính, là người quản lý toàn bộ tiền cho vay lãi nặng, bị cáo H đóng vai trò giúp sức, được bị cáo T thuê trả lương hàng tháng để quản lý hoạt động cho vay. Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên cả hai bị cáo đều có nhân thân đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành xong. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng ngày 09/10/2023 sau thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời liên quan đến cùng vụ việc. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy cần xét xử hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện để răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Bị cáo T đóng vai trò tích cực hơn bị cáo H nên cần xét xử bị cáo T mức án cao hơn so với bị cáo Hải.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo H chỉ giữ vai trò giúp sức làm thuê, không trực tiếp quản lý sử dụng số tiền cho vay vì vậy không cần thiết phải phạt tiền đối với bị cáo Hải.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 190.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu đồng)* bị cáo Nguyễn T T và Phạm Hồng H sử dụng cho vay là số tiền sử dụng vào việc phạm tội, những người liên quan đều đã trả lại cho các bị cáo, bị cáo T đang quản lý số tiền trên nên cần truy thu đối với bị cáo T toàn bộ số tiền 190.000.000đ để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính do các bị cáo đã thu của người vay là 105.650.700đ là vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền trên các bị cáo đã trả lại cho những người liên quan là phù hợp với quy định, những người liên quan xác định không còn nợ nần gì với các bị cáo đối với các khoản tiền này nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà các bị cáo đã thu của những người vay 18.979.300 đồng, do bị cáo T đang quản lý nên cần tịch thu của bị cáo T để sung vào ngân sách nhà nước.

* Đối với vật chứng thu trong quá trình giải quyết vụ án: các sổ sách giấy tờ liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng cơ quan điều tra đã thu giữ cần lưu hồ sơ vụ án làm căn cứ. Đối với đăng ký mô tô mang tên Cao Đức C cần trả lại cho ông Cao Đức C.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với việc bà Nguyễn Thị C: đứng tên trong thủ tục đăng ký kinh doanh tiệm cầm đồ "Nhất Tín" *(Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 15E80004513, tên hộ kinh doanh là Nguyễn Thị C)*. Tuy nhiên bà C không biết việc T và H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong các giao dịch dân sự, không góp tiền để cho vay, không được hưởng lợi từ khoản tiền thu lợi bất chính của các bị cáo và không có hành vi giúp sức cho các bị cáo sử dụng tiệm cầm đồ thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, nên không đủ căn cứ xử lý trong vụ án này.

- Đối với Nguyễn Thị T và Nguyễn Hữu T cho T mượn, sử dụng số tài khoản ngân hàng để các bị cáo sử dụng vào các giao dịch chuyển và nhận tiền, nhưng Thêm và T không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án.

- Đối với Nguyễn Ngọc V là người cho bị cáo T mượn số tài khoản ngân hàng BIDV 18810000337539 để sử dụng từ năm 2018 khi bị cáo T bắt đầu kinh doanh dịch vụ cầm đồ, T không nói và Vinh cũng không hay biết gì việc việc T sử dụng số Tài khoản trên để thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến hành vi phạm tội của T, do đó không có căn cứ xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người T hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự

***Tuyên bố:*** Bị cáo Nguyễn T T và bị cáo Phạm Hồng H phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.*

*** Về hình phạt:** Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2024). Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Căn cứ khoản 2, Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hồng H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2024).

*Giao các bị cáo Nguyễn T T, Phạm Hồng H cho Uỷ ban nhân dân phường Đ, T phố T, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

**2. Về các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Nguyễn T T số tiền gốc cho vay là 190.000.000 đồng và số tiền lãi là 18.979.300 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Tổng cộng hai khoản tiền truy thu trên là 208.979.300 đồng (*hai trăm linh tám triệu chín trăm bẩy mươi chín nghìn ba trăm đồng).*

**3. Về vật chứng:** trả lại cho anh Cao Đức C 01 đăng ký mô tô biển kiểm soát 22B2- 671.95 mang tên Cao Đức C (Toà án đã trả lại).

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn T T và bị cáo Phạm Hồng H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án đối với phần nội dung liên quan trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Toàn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Mai Hương** **Trần Duy Viễn** **Nguyễn Văn Toàn**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Trung Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**Nguyễn Văn Toàn**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Thuỷ**